

Số: 10/2025/QĐST-HNGĐ

Y, ngày 16 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1993; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Cán bộ; số CCCD: 002193004868 do cục C - BCA cấp ngày 02/6/2023; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung V, sinh năm 1993; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Công nhân; số CCCD: 002093005362 do Cục C - BCA cấp ngày 21/01/2023; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị D và anh Nguyễn Trung V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Nguyễn Trung V nhất trí thuận tình ly hôn. (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 17/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang).

- Về con chung: Chị Hoàng Thị D và anh Nguyễn Trung V xác nhận anh chị có hai con chung là Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 13/12/2016 và Nguyễn Tiến Đ1, sinh ngày 28/10/2020, sau khi ly hôn anh V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D, anh V xác nhận không có tài sản chung, công nợ chung, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), anh La Văn B đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003228 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang. Trả lại cho chị Hoàng Thị D 150.000đ (một trăm lăm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA DS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã Mậu Duệ, huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN



Đoàn Ngọc Vĩnh